

ZWS30C

RELIABILITY DATA

信頼性データ

INDEX

| | PAGE |
|--|-------|
| 1. MTBF計算値 Calculated Values of MTBF..... | 3 |
| 2. 部品ディレーティング Component Derating..... | 4~8 |
| 3. 主要部品温度上昇値 Main Components Temperature Rise ΔT List..... | 9~12 |
| 4. 電解コンデンサ推定寿命計算値 Electrolytic Capacitor Lifetime | 13~24 |
| 5. アブノーマル試験 Abnormal Test..... | 25~26 |
| 6. 振動試験 Vibration Test..... | 27 |
| 7. ノイズシミュレート試験 Noise Simulate Test..... | 28 |
| 8. 热衝撃試験 Thermal Shock Test..... | 29 |

* 試験結果は、代表データであります、全ての製品はほぼ同等な特性を示します。

従いまして、以下の結果は参考値とお考え願います。

Test results are typical data. Nevertheless the following results are considered to be reference data because all units have nearly the same characteristics.

1. MTBF計算値 Calculated Values of MTBF

MODEL : ZWS30C-24

(1) 算出方法 Calculating Method

JEITA (RCR-9102B)の部品点数法で算出されています。

それぞれの部品ごとに、部品故障率 λ_G が与えられ、各々の点数によって決定されます。

Calculated based on part count reliability projection of JEITA (RCR-9102B).

Individual failure rates λ_G is given to each part and MTBF is calculated by the count of each part.

<算出式>

$$MTBF = \frac{1}{\lambda_{equip}} \times 10^6 = \frac{1}{\sum_{i=1}^n n_i (\lambda_G \pi_Q)_i} \times 10^6 \text{ 時間 (Hours)}$$

λ_{equip} : 全機器故障率 (故障数 / 10^6 時間)

Total Equipment Failure Rate (Failure / 10^6 Hours)

λ_G : i 番目の同属部品に対する故障率 (故障数 / 10^6 時間)

Generic Failure Rate for The ith Generic Part (Failure / 10^6 Hours)

n_i : i 番目の同属部品の個数

Quantity of ith Generic Part

n : 異なった同属部品のカテゴリーの数

Number of Different Generic Part Categories

π_Q : i 番目の同属部品に対する品質ファクタ ($\pi_Q=1$)

Generic Quality Factor for The ith Generic Part ($\pi_Q=1$)

(2) MTBF値 MTBF Values

GF : 地上、固定 (Ground, Fixed)

RCR-9102B

MTBF ≈ 371,311 時間 (Hours)

2. 部品ディレーティング Components Derating

MODEL : ZWS30C-5, ZWS30C-24

(1) 算出方法 Calculating Method

(a) 測定方法 Measuring method

| | |
|--|---|
| 取付方法 : 標準取付 : A Mounting method Standard mounting : A | 周囲温度 : 50°C Ambient temperature |
| 入力電圧 : 100, 200VAC Input voltage | 出力電圧、電流 : 5V, Full load Output voltage & current |

| | |
|--|--|
| 取付方法 : 標準取付 : A Mounting method Standard mounting : A | 周囲温度 : 50°C Ambient temperature |
| 入力電圧 : 100, 200VAC Input voltage | 出力電圧、電流 : 24V, Full load Output voltage & current |

(b) 半導体 Semiconductors

ケース温度、消費電力、熱抵抗より使用状態の接合点温度を求め最大定格、接合点温度との比較を求めるました。

Compared with maximum junction temperature and actual one which is calculated based on case temperature, power dissipation and thermal impedance.

(c) IC、抵抗、コンデンサ等 IC, Resistors, Capacitors, etc.

周囲温度、使用状態、消費電力など、個々の値は設計基準内に入っています。

Ambient temperature, operating condition, power dissipation and so on are within derating criteria.

(d) 热抵抗算出方法 Calculating method of thermal impedance

$$\theta_{j-c} = \frac{T_j(\max) - T_c}{P_j(\max)}$$

T_c : ディレーティングの始まるケース温度 一般に25°C

Case Temperature at Start Point of Derating ; 25°C in General

P_{j(max)} : 最大接合点(チャネル)損失

(P_{ch(max)}) Maximum Junction (channel) Dissipation

T_{j(max)} : 最大接合点(チャネル)温度

(T_{ch(max)}) Maximum Junction (channel) Temperature

θ_{j-c} : 接合点(チャネル)からケースまでの熱抵抗

(θ_{ch-c}) Thermal Impedance between Junction (channel) and Case

(2) 部品ディレーティング表 Component Derating List

| 部品番号 Location No. | Vin = 100VAC Ta = 50°C | Vout = 5VDC Convection cooling | Load = 100% |
|-------------------------------------|---|---|-------------|
| D1 DF06M_HF DIODES | Tj (max) = 150 °C Pd = 0.73 W Tj = Tc + ((θj-c) × Pd) = 95.0 °C D.F. = 63.3 % | θj-c = 14.871 °C/W ΔTc = 34 °C Tc = 84 °C | |
| D101 S1JLW TAIWAN SEMI | Tj (max) = 175 °C Pd = 0.38 W Tj = Tc + ((θj-c) × Pd) = 97.3 °C D.F. = 55.6 % | θj-c = 16.6 °C/W ΔTc = 41 °C Tc = 91 °C | |
| D103 S1JLW TAIWAN SEMI | Tj (max) = 175 °C Pd = 0.13 W Tj = Tc + ((θj-c) × Pd) = 92.3 °C D.F. = 52.7 % | θj-c = 16.6 °C/W ΔTc = 40 °C Tc = 90 °C | |
| D51 SG30SC6M-5600 SHINDENGEN | Tj (max) = 150 °C Pd = 1.57 W Tj = Tc + ((θj-c) × Pd) = 127.2 °C D.F. = 84.8 % | θj-c = 2 °C/W ΔTc = 74 °C Tc = 124 °C | |
| A1 ICE5AR0680BZS INFINEON | Tj (max) = 150 °C Pd = 0.45 W Tj = Tc + ((θj-c) × Pd) = 94.6 °C D.F. = 63.1 % | θj-c = 10.06 °C/W ΔTc = 40 °C Tc = 90 °C | |
| PC101 EL1018(TA)-VG EVERLIGHT | Tj (max) = 110 °C Pd = 3 mW Tj = Tc + ((θj-c) × Pd) = 74.6 °C D.F. = 67.8 % | θj-c = 178.65 °C/W ΔTc = 24 °C Tc = 74 °C | |

| 部品番号 Location No. | Vin = 200VAC Ta = 50°C | Vout = 5VDC Convection cooling | Load = 100% |
|-------------------------------------|---|---|-------------|
| D1 DF06M_HF DIODES | Tj (max) = 150 °C Pd = 0.42 W Tj = Tc + ((θj-c) × Pd) = 80.3 °C D.F. = 53.6 % | θj-c = 14.871 °C/W ΔTc = 24 °C Tc = 74 °C | |
| D101 S1JLW TAIWAN SEMI | Tj (max) = 175 °C Pd = 0.39 W Tj = Tc + ((θj-c) × Pd) = 96.6 °C D.F. = 55.2 % | θj-c = 16.6 °C/W ΔTc = 40 °C Tc = 90 °C | |
| D103 S1JLW TAIWAN SEMI | Tj (max) = 175 °C Pd = 0.13 W Tj = Tc + ((θj-c) × Pd) = 90.3 °C D.F. = 51.6 % | θj-c = 16.6 °C/W ΔTc = 38 °C Tc = 88 °C | |
| D51 SG30SC6M-5600 SHINDENGEN | Tj (max) = 150 °C Pd = 1.57 W Tj = Tc + ((θj-c) × Pd) = 128.2 °C D.F. = 85.5 % | θj-c = 2 °C/W ΔTc = 75 °C Tc = 125 °C | |
| A1 ICE5AR0680BZS INFINEON | Tj (max) = 150 °C Pd = 0.76 W Tj = Tc + ((θj-c) × Pd) = 102.7 °C D.F. = 68.5 % | θj-c = 10.06 °C/W ΔTc = 45 °C Tc = 95 °C | |
| PC101 EL1018(TA)-VG EVERLIGHT | Tj (max) = 110 °C Pd = 3 mW Tj = Tc + ((θj-c) × Pd) = 71.6 °C D.F. = 65.1 % | θj-c = 178.65 °C/W ΔTc = 21 °C Tc = 71 °C | |

| 部品番号 Location No. | Vin = 100VAC Ta = 70°C Force air cooling | Vout = 5VDC Load = 100% |
|-------------------------------------|--|---|
| D1 DF06M_HF DIODES | Tj (max) = 150 °C Pd = 0.73 W Tj = Tc + ((θj-c) × Pd) = 100.0 °C D.F. = 66.7 % | θj-c = 14.871 °C/W ΔTc = 19 °C Tc = 89 °C |
| D101 S1JLW TAIWAN SEMI | Tj (max) = 175 °C Pd = 0.38 W Tj = Tc + ((θj-c) × Pd) = 96.3°C D.F. = 55.0 % | θj-c = 16.6 °C/W ΔTc = 20 °C Tc = 90 °C |
| D103 S1JLW TAIWAN SEMI | Tj (max) = 175 °C Pd = 0.13 W Tj = Tc + ((θj-c) × Pd) = 89.3 °C D.F. = 51.0 % | θj-c = 16.6 °C/W ΔTc = 17 °C Tc = 87 °C |
| D51 SG30SC6M-5600 SHINDENGEN | Tj (max) = 150 °C Pd = 1.57 W Tj = Tc + ((θj-c) × Pd) = 116.2 °C D.F. = 77.5 % | θj-c = 2 °C/W ΔTc = 43 °C Tc = 113 °C |
| A1 ICE5AR0680BZS INFINEON | Tj (max) = 150 °C Pd = 0.45 W Tj = Tc + ((θj-c) × Pd) = 100.6 °C D.F. = 67.1 % | θj-c = 10.06 °C/W ΔTc = 26 °C Tc = 96 °C |
| PC101 EL1018(TA)-VG EVERLIGHT | Tj (max) = 110 °C Pd = 3 mW Tj = Tc + ((θj-c) × Pd) = 75.6 °C D.F. = 68.7 % | θj-c = 178.65 °C/W ΔTc = 5 °C Tc = 75 °C |

| 部品番号 Location No. | Vin = 200VAC Ta = 70°C Force air cooling | Vout = 5VDC Load = 100% |
|-------------------------------------|--|---|
| D1 DF06M_HF DIODES | Tj (max) = 150 °C Pd = 0.42 W Tj = Tc + ((θj-c) × Pd) = 88.3 °C D.F. = 58.9 % | θj-c = 14.871 °C/W ΔTc = 12 °C Tc = 82 °C |
| D101 S1JLW TAIWAN SEMI | Tj (max) = 175 °C Pd = 0.39 W Tj = Tc + ((θj-c) × Pd) = 96.6°C D.F. = 55.2 % | θj-c = 16.6 °C/W ΔTc = 20 °C Tc = 90 °C |
| D103 S1JLW TAIWAN SEMI | Tj (max) = 175 °C Pd = 0.13 W Tj = Tc + ((θj-c) × Pd) = 88.2 °C D.F. = 50.4 % | θj-c = 16.6 °C/W ΔTc = 16 °C Tc = 86 °C |
| D51 SG30SC6M-5600 SHINDENGEN | Tj (max) = 150 °C Pd = 1.57 W Tj = Tc + ((θj-c) × Pd) = 117.2 °C D.F. = 78.1 % | θj-c = 2 °C/W ΔTc = 44 °C Tc = 114 °C |
| A1 ICE5AR0680BZS INFINEON | Tj (max) = 150 °C Pd = 0.76 W Tj = Tc + ((θj-c) × Pd) = 108.7 °C D.F. = 72.5 % | θj-c = 10.06 °C/W ΔTc = 31 °C Tc = 101 °C |
| PC101 EL1018(TA)-VG EVERLIGHT | Tj (max) = 110 °C Pd = 3 mW Tj = Tc + ((θj-c) × Pd) = 74.6 °C D.F. = 67.8 % | θj-c = 178.65 °C/W ΔTc = 4°C Tc = 74 °C |

| 部品番号 Location No. | Vin = 100VAC Ta = 50°C | Vout = 24VDC Convection cooling | Load = 100% |
|-------------------------------------|--|---|-------------|
| D1 DF06M_HF DIODES | Tj (max) = 150 °C Pd = 1.05 W Tj = Tc + ((θj-c) × Pd) = 111.6 °C D.F. = 74.4 % | θj-c = 14.871 °C/W ΔTc = 46 °C Tc = 96 °C | |
| D101 S1JLW TAIWAN SEMI | Tj (max) = 175 °C Pd = 2.6 mW Tj = Tc + ((θj-c) × Pd) = 94.5 °C D.F. = 54.0 % | θj-c = 16.6 °C/W ΔTc = 45 °C Tc = 95 °C | |
| D103 S1JLW TAIWAN SEMI | Tj (max) = 175 °C Pd = 65 mW Tj = Tc + ((θj-c) × Pd) = 91.1 °C D.F. = 52.1 % | θj-c = 16.6 °C/W ΔTc = 40 °C Tc = 90 °C | |
| D51 SF20LC30M-5600 SHINDENGEN | Tj (max) = 150 °C Pd = 1.00 W Tj = Tc + ((θj-c) × Pd) = 115.8 °C D.F. = 77.2 % | θj-c = 1.7 °C/W ΔTc = 64 °C Tc = 114 °C | |
| A1 ICE5AR0680BZS INFINEON | Tj (max) = 150 °C Pd = 0.72 W Tj = Tc + ((θj-c) × Pd) = 93.3 °C D.F. = 62.2 % | θj-c = 10.06 °C/W ΔTc = 36 °C Tc = 86 °C | |
| PC101 EL1018(TA)-VG EVERLIGHT | Tj (max) = 110 °C Pd = 2 mW Tj = Tc + ((θj-c) × Pd) = 78.4 °C D.F. = 71.3 % | θj-c = 178.65 °C/W ΔTc = 28 °C Tc = 78 °C | |

| 部品番号 Location No. | Vin = 200VAC Ta = 50°C | Vout = 24VDC Convection cooling | Load = 100% |
|-------------------------------------|--|---|-------------|
| D1 DF06M_HF DIODES | Tj (max) = 150 °C Pd = 0.71 W Tj = Tc + ((θj-c) × Pd) = 94.6 °C D.F. = 63.1 % | θj-c = 14.871 °C/W ΔTc = 34 °C Tc = 84 °C | |
| D101 S1JLW TAIWAN SEMI | Tj (max) = 175 °C Pj = 2.3 mW Tj = Tc + ((θj-c) × Pd) = 96.1 °C D.F. = 54.9 % | θj-c = 16.6 °C/W ΔTc = 46 °C Tc = 96 °C | |
| D103 S1JLW TAIWAN SEMI | Tj (max) = 175 °C Pd = 65 mW Tj = Tc + ((θj-c) × Pch) = 91.1 °C D.F. = 52.1 % | θj-c = 16.6 °C/W ΔTc = 40 °C Tc = 90 °C | |
| D51 SF20LC30M-5600 SHINDENGEN | Tj (max) = 150 °C Pd = 1.21 W Tj = Tc + ((θj-c) × Pd) = 119.1 °C D.F. = 79.4 % | θj-c = 1.7 °C/W ΔTc = 67 °C Tc = 117 °C | |
| A1 ICE5AR0680BZS INFINEON | Tj (max) = 150 °C Pd = 1.15 W Tj = Tc + ((θj-c) × Pd) = 103.6 °C D.F. = 69.1 % | θj-c = 10.06 °C/W ΔTc = 42 °C Tc = 92 °C | |
| PC101 EL1018(TA)-VG EVERLIGHT | Tj (max) = 110 °C Pd = 2 mW Tj = Tc + ((θj-c) × Pd) = 76.4 °C D.F. = 69.5 % | θj-c = 178.65 °C/W ΔTc = 26 °C Tc = 76 °C | |

| 部品番号 Location No. | Vin = 100VAC Ta = 70°C Force air cooling | Vout = 24VDC Load = 100% |
|-------------------------------------|--|---|
| D1 DF06M_HF DIODES | Tj (max) = 150 °C Pd = 1.05 W Tj = Tc + ((θj-c) × Pd) = 112.6 °C D.F. = 75.1 % | θj-c = 14.871 °C/W ΔTc = 27 °C Tc = 97 °C |
| D101 S1JLW TAIWAN SEMI | Tj (max) = 175 °C Pd = 2.6 mW Tj = Tc + ((θj-c) × Pd) = 86.1 °C D.F. = 49.2 % | θj-c = 16.6 °C/W ΔTc = 16 °C Tc = 86 °C |
| D103 S1JLW TAIWAN SEMI | Tj (max) = 175 °C Pd = 65 mW Tj = Tc + ((θj-c) × Pd) = 80.1 °C D.F. = 45.8 % | θj-c = 16.6 °C/W ΔTc = 9 °C Tc = 79 °C |
| D51 SF20LC30M-5600 SHINDENGEN | Tj (max) = 150 °C Pd = 1.00 W Tj = Tc + ((θj-c) × Pd) = 101.8 °C D.F. = 67.9 % | θj-c = 1.7 °C/W ΔTc = 30 °C Tc = 100 °C |
| A1 ICE5AR0680BZS INFINEON | Tj (max) = 150 °C Pd = 0.73 W Tj = Tc + ((θj-c) × Pd) = 112.3 °C D.F. = 74.9 % | θj-c = 10.06 °C/W ΔTc = 35 °C Tc = 105 °C |
| PC101 EL1018(TA)-VG EVERLIGHT | Tj (max) = 110 °C Pd = 2 mW Tj = Tc + ((θj-c) × Pd) = 75.4 °C D.F. = 68.6 % | θj-c = 178.65 °C/W ΔTc = 5 °C Tc = 75 °C |

| 部品番号 Location No. | Vin = 200VAC Ta = 70°C Force air cooling | Vout = 24VDC Load = 100% |
|-------------------------------------|--|---|
| D1 DF06M_HF DIODES | Tj (max) = 150 °C Pd = 0.71 W Tj = Tc + ((θj-c) × Pd) = 98.6 °C D.F. = 65.7 % | θj-c = 14.871 °C/W ΔTc = 18 °C Tc = 88 °C |
| D101 S1JLW TAIWAN SEMI | Tj (max) = 175 °C Pd = 2.3 mW Tj = Tc + ((θj-c) × Pd) = 86.1 °C D.F. = 49.2 % | θj-c = 16.6 °C/W ΔTc = 16 °C Tc = 86 °C |
| D103 S1JLW TAIWAN SEMI | Tj (max) = 175 °C Pd = 65 mW Tj = Tc + ((θj-c) × Pd) = 80.1 °C D.F. = 45.8 % | θj-c = 16.6 °C/W ΔTc = 9 °C Tc = 79 °C |
| D51 SF20LC30M-5600 SHINDENGEN | Tj (max) = 150 °C Pd = 1.21 W Tj = Tc + ((θj-c) × Pd) = 105.1 °C D.F. = 70.1 % | θj-c = 1.7 °C/W ΔTc = 33 °C Tc = 103 °C |
| A1 ICE5AR0680BZS INFINEON | Tj (max) = 150 °C Pd = 1.15 W Tj = Tc + ((θj-c) × Pd) = 122.6 °C D.F. = 81.8 % | θj-c = 10.06 °C/W ΔTc = 41 °C Tc = 111 °C |
| PC101 EL1018(TA)-VG EVERLIGHT | Tj (max) = 110 °C Pd = 2 mW Tj = Tc + ((θj-c) × Pd) = 74.1 °C D.F. = 67.6 % | θj-c = 178.65 °C/W ΔTc = 4 °C Tc = 74 °C |

3. 主要部品温度上昇値 Main Components Temperature Rise ΔT List

MODEL : ZWS30C-5

(1) 測定条件 Measuring Conditions

| 取付方法 Mounting Method | Mounting A | Mounting B | Mounting C | Mounting D | Mounting E | Mounting F |
|---------------------------------------|-----------------|------------|------------|------------|------------|------------|
| | CN1(INPUT) | CN1 | CN1 | CN1 | CN1 | CN1 |
| (標準取付 : A) (Standard Mounting : A) | | | | | | |
| 入力電圧 Vin Input Voltage | 100VAC / 200VAC | | | | | |
| 出力電圧 Vout Output Voltage | 5V | | | | | |
| 出力電流 Iout Output Current | 4A | | | | | |

(2) 測定結果 Measuring Results

| ΔT Temperature Rise (°C) | | | | | | |
|----------------------------------|------------------|----------------------------|------------|--------------------|------------|------------|
| 出力ディレーティング Output Derating | | 100VAC | | | | |
| | | Ta=50°C | | Convection cooling | | |
| 部品番号 Location No. | 部品名 Part name | 取付方向 Mounting direction | | | | |
| | | Mounting A | Mounting B | Mounting C | Mounting D | Mounting F |
| A1 | IPD | 40 | 33 | 30 | 25 | 22 |
| C4 | ECAP. | 22 | 21 | 12 | 15 | 11 |
| C5 | ECAP. | 30 | 23 | 18 | 19 | 15 |
| C53 | ECAP. | 38 | 37 | 20 | 18 | 18 |
| C54 | ECAP. | 24 | 28 | 12 | 12 | 13 |
| D1 | BRIDGE DIODE | 34 | 29 | 20 | 21 | 15 |
| D101 | DIODE | 41 | 29 | 28 | 22 | 22 |
| D103 | DIODE | 40 | 34 | 22 | 22 | 19 |
| D51 | S.B.D | 74 | 68 | 44 | 38 | 38 |
| T1 | TRANSFORMER | 48 | 40 | 28 | 24 | 24 |
| L1 | BALUN COIL | 21 | 19 | 11 | 13 | 8 |
| L51 | CHOKE COIL | 40 | 40 | 19 | 18 | 18 |
| PC101 | PHOTO COUPLER | 24 | 21 | 12 | 14 | 11 |
| ΔT Temperature Rise (°C) | | | | | | |

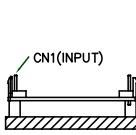
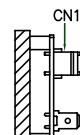
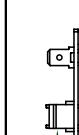
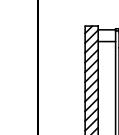
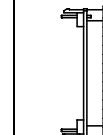
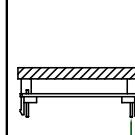
| ΔT Temperature Rise (°C) | | | | | | |
|----------------------------------|------------------|----------------------------|------------|--------------------|------------|------------|
| 出力ディレーティング Output Derating | | 200VAC | | | | |
| | | Ta=50°C | | Convection cooling | | |
| 部品番号 Location No. | 部品名 Part name | 取付方向 Mounting direction | | | | |
| | | Mounting A | Mounting B | Mounting C | Mounting D | Mounting F |
| A1 | IPD | 45 | 39 | 31 | 33 | 30 |
| C4 | ECAP. | 18 | 18 | 10 | 14 | 10 |
| C5 | ECAP. | 28 | 23 | 17 | 20 | 16 |
| C53 | ECAP. | 38 | 38 | 20 | 18 | 18 |
| C54 | ECAP. | 24 | 29 | 12 | 12 | 13 |
| D1 | BRIDGE DIODE | 24 | 21 | 14 | 19 | 12 |
| D101 | DIODE | 40 | 30 | 27 | 24 | 24 |
| D103 | DIODE | 38 | 33 | 21 | 23 | 20 |
| D51 | S.B.D | 75 | 73 | 44 | 39 | 39 |
| T1 | TRANSFORMER | 49 | 41 | 28 | 25 | 25 |
| L1 | BALUN COIL | 15 | 13 | 8 | 12 | 6 |
| L51 | CHOKE COIL | 40 | 42 | 19 | 18 | 18 |
| PC101 | PHOTO COUPLER | 21 | 20 | 11 | 15 | 11 |
| ΔT Temperature Rise (°C) | | | | | | |

| | | ΔT Temperature Rise ($^{\circ}\text{C}$) | | | | | |
|-------------------------------|------------------|--|------------|------------|------------|------------|------------|
| 出力ディレーティング Output Derating | | 100VAC | | | | | |
| 部品番号 Location No. | 部品名 Part name | Ta=70°C Force air cooling | | | | | |
| | | Mounting A | Mounting B | Mounting C | Mounting D | Mounting E | Mounting F |
| A1 | IPD | 26 | 20 | 22 | 26 | 24 | 27 |
| C4 | ECAP. | 6 | 12 | 12 | 7 | 6 | 6 |
| C5 | ECAP. | 10 | 13 | 15 | 10 | 9 | 13 |
| C53 | ECAP. | 13 | 19 | 19 | 13 | 12 | 16 |
| C54 | ECAP. | 6 | 14 | 13 | 6 | 5 | 8 |
| D1 | BRIDGE DIODE | 19 | 20 | 21 | 22 | 19 | 20 |
| D101 | DIODE | 20 | 15 | 17 | 19 | 18 | 23 |
| D103 | DIODE | 17 | 19 | 21 | 17 | 15 | 18 |
| D51 | S.B.D | 43 | 41 | 40 | 41 | 43 | 44 |
| T1 | TRANSFORMER | 24 | 19 | 23 | 21 | 23 | 26 |
| L1 | BALUN COIL | 8 | 11 | 12 | 9 | 8 | 8 |
| L51 | CHOKE COIL | 14 | 23 | 24 | 15 | 14 | 20 |
| PC101 | PHOTO COUPLER | 5 | 9 | 10 | 6 | 5 | 6 |

| | | ΔT Temperature Rise ($^{\circ}\text{C}$) | | | | | |
|-------------------------------|------------------|--|------------|------------|------------|------------|------------|
| 出力ディレーティング Output Derating | | 200VAC | | | | | |
| 部品番号 Location No. | 部品名 Part name | Ta=70°C Force air cooling | | | | | |
| | | Mounting A | Mounting B | Mounting C | Mounting D | Mounting E | Mounting F |
| A1 | IPD | 31 | 25 | 27 | 31 | 30 | 33 |
| C4 | ECAP. | 4 | 10 | 9 | 5 | 4 | 5 |
| C5 | ECAP. | 10 | 13 | 14 | 10 | 9 | 13 |
| C53 | ECAP. | 13 | 20 | 19 | 13 | 12 | 16 |
| C54 | ECAP. | 6 | 14 | 13 | 6 | 5 | 9 |
| D1 | BRIDGE DIODE | 12 | 13 | 14 | 13 | 12 | 13 |
| D101 | DIODE | 20 | 15 | 17 | 20 | 19 | 24 |
| D103 | DIODE | 16 | 19 | 20 | 16 | 15 | 18 |
| D51 | S.B.D | 44 | 42 | 40 | 42 | 43 | 43 |
| T1 | TRANSFORMER | 25 | 20 | 23 | 22 | 24 | 27 |
| L1 | BALUN COIL | 5 | 7 | 8 | 5 | 5 | 5 |
| L51 | CHOKE COIL | 14 | 24 | 24 | 15 | 14 | 20 |
| PC101 | PHOTO COUPLER | 4 | 9 | 9 | 5 | 4 | 6 |

MODEL : ZWS30C-24

(1) 測定条件 Measuring Conditions

| 取付方法 Mounting Method | Mounting A | Mounting B | Mounting C | Mounting D | Mounting E | Mounting F |
|---------------------------------------|---|---|---|--|---|---|
| |  |  |  |  |  |  |
| (標準取付 : A) (Standard Mounting : A) | 100VAC / 200VAC | | | | | |
| 入力電圧 Vin Input Voltage | 100VAC / 200VAC | | | | | |
| 出力電圧 Vout Output Voltage | 24V | | | | | |
| 出力電流 Iout Output Current | 1.25A / 1.46A | | | | | |

(2) 測定結果 Measuring Results

| ΔT Temperature Rise (°C) | | | | | | |
|----------------------------------|------------------|------------|------------|--------------------|------------|------------|
| 出力ディレーティング Output Derating | | 100VAC | | | | |
| | | Ta=50°C | | Convection cooling | | |
| 部品番号 Location No. | 部品名 Part name | 取付方向 | | | | |
| | | Mounting A | Mounting B | Mounting C | Mounting D | Mounting F |
| A1 | IPD | 36 | 47 | 58 | 57 | 47 |
| C4 | ECAP. | 27 | 25 | 22 | 28 | 25 |
| C5 | ECAP. | 34 | 27 | 27 | 35 | 31 |
| C53 | ECAP. | 28 | 28 | 20 | 22 | 25 |
| C54 | ECAP. | 18 | 22 | 13 | 15 | 18 |
| D1 | BRIDGE DIODE | 46 | 39 | 40 | 49 | 39 |
| D101 | DIODE | 45 | 33 | 40 | 40 | 44 |
| D103 | DIODE | 40 | 33 | 30 | 37 | 36 |
| D51 | S.B.D | 64 | 58 | 56 | 55 | 61 |
| T1 | TRANSFORMER | 53 | 40 | 44 | 43 | 49 |
| L1 | BALUN COIL | 28 | 25 | 23 | 30 | 22 |
| L51 | CHOKE COIL | 27 | 29 | 20 | 23 | 25 |
| PC101 | PHOTO COUPLER | 28 | 26 | 20 | 25 | 24 |
| | | | | | | 30 |

| ΔT Temperature Rise (°C) | | | | | | |
|----------------------------------|------------------|------------|------------|--------------------|------------|------------|
| 出力ディレーティング Output Derating | | 200VAC | | | | |
| | | Ta=50°C | | Convection cooling | | |
| 部品番号 Location No. | 部品名 Part name | 取付方向 | | | | |
| | | Mounting A | Mounting B | Mounting C | Mounting D | Mounting F |
| A1 | IPD | 42 | 56 | 66 | 66 | 53 |
| C4 | ECAP. | 24 | 23 | 18 | 26 | 21 |
| C5 | ECAP. | 34 | 28 | 27 | 37 | 30 |
| C53 | ECAP. | 30 | 30 | 21 | 24 | 25 |
| C54 | ECAP. | 19 | 24 | 13 | 16 | 18 |
| D1 | BRIDGE DIODE | 34 | 29 | 29 | 41 | 28 |
| D101 | DIODE | 46 | 34 | 41 | 41 | 45 |
| D103 | DIODE | 40 | 34 | 29 | 38 | 34 |
| D51 | S.B.D | 67 | 62 | 59 | 58 | 63 |
| T1 | TRANSFORMER | 59 | 46 | 48 | 49 | 53 |
| L1 | BALUN COIL | 21 | 18 | 16 | 24 | 15 |
| L51 | CHOKE COIL | 28 | 31 | 21 | 25 | 26 |
| PC101 | PHOTO COUPLER | 26 | 25 | 18 | 25 | 21 |
| | | | | | | 29 |

| | | ΔT Temperature Rise ($^{\circ}\text{C}$) | | | | | |
|-------------------------------|------------------|--|------------|------------|------------|------------|------------|
| 出力ディレーティング Output Derating | | 100VAC | | | | | |
| 部品番号 Location No. | 部品名 Part name | Ta=70°C Force air cooling 取付方向 | | | | | |
| | | Mounting A | Mounting B | Mounting C | Mounting D | Mounting E | Mounting F |
| A1 | IPD | 35 | 37 | 33 | 35 | 34 | 38 |
| C4 | ECAP. | 7 | 12 | 11 | 7 | 6 | 9 |
| C5 | ECAP. | 9 | 14 | 14 | 8 | 9 | 15 |
| C53 | ECAP. | 6 | 6 | 8 | 5 | 5 | 7 |
| C54 | ECAP. | 3 | 4 | 4 | 3 | 3 | 3 |
| D1 | BRIDGE DIODE | 27 | 29 | 30 | 28 | 25 | 31 |
| D101 | DIODE | 16 | 18 | 15 | 15 | 15 | 20 |
| D103 | DIODE | 9 | 14 | 13 | 9 | 10 | 15 |
| D51 | S.B.D | 30 | 30 | 32 | 31 | 31 | 32 |
| T1 | TRANSFORMER | 20 | 18 | 20 | 20 | 21 | 28 |
| L1 | BALUN COIL | 12 | 14 | 16 | 12 | 11 | 13 |
| L51 | CHOKE COIL | 6 | 8 | 8 | 6 | 5 | 7 |
| PC101 | PHOTO COUPLER | 5 | 8 | 8 | 5 | 5 | 9 |

| | | ΔT Temperature Rise ($^{\circ}\text{C}$) | | | | | |
|-------------------------------|------------------|--|------------|------------|------------|------------|------------|
| 出力ディレーティング Output Derating | | 200VAC | | | | | |
| 部品番号 Location No. | 部品名 Part name | Ta=70°C Force air cooling 取付方向 | | | | | |
| | | Mounting A | Mounting B | Mounting C | Mounting D | Mounting E | Mounting F |
| A1 | IPD | 41 | 44 | 39 | 42 | 40 | 41 |
| C4 | ECAP. | 5 | 10 | 9 | 5 | 4 | 5 |
| C5 | ECAP. | 8 | 15 | 14 | 8 | 9 | 8 |
| C53 | ECAP. | 6 | 7 | 9 | 6 | 6 | 6 |
| C54 | ECAP. | 3 | 5 | 4 | 3 | 3 | 3 |
| D1 | BRIDGE DIODE | 18 | 22 | 21 | 18 | 17 | 17 |
| D101 | DIODE | 16 | 19 | 15 | 16 | 16 | 16 |
| D103 | DIODE | 9 | 15 | 13 | 9 | 9 | 9 |
| D51 | S.B.D | 33 | 33 | 36 | 34 | 34 | 34 |
| T1 | TRANSFORMER | 24 | 22 | 24 | 24 | 25 | 24 |
| L1 | BALUN COIL | 7 | 11 | 11 | 8 | 7 | 7 |
| L51 | CHOKE COIL | 6 | 10 | 9 | 6 | 6 | 6 |
| PC101 | PHOTO COUPLER | 4 | 8 | 8 | 4 | 4 | 4 |

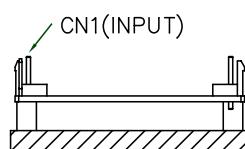
4. 電解コンデンサ推定寿命計算値 Electrolytic Capacitor Lifetime

MODEL : ZWS30C

空冷条件：自然空冷 Cooling condition: Convection cooling

取付方向 A

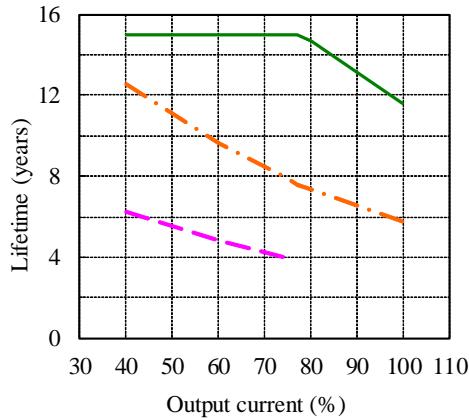
Mounting A



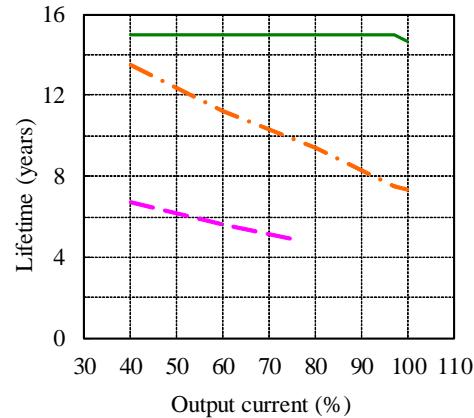
Conditions Ta
 40°C : —
 50°C : - - -
 60°C : - . -

5V

| Load | Lifetime (years) | | |
|------|------------------|------|------|
| | 40°C | 50°C | 60°C |
| 40% | 15.0 | 12.6 | 6.3 |
| 60% | 15.0 | 9.6 | 4.8 |
| 80% | 14.7 | 7.3 | - |
| 100% | 11.6 | 5.8 | - |

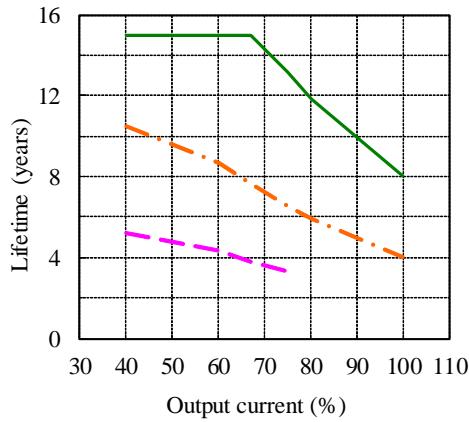


| Load | Lifetime (years) | | |
|------|------------------|------|------|
| | 40°C | 50°C | 60°C |
| 40% | 15.0 | 13.5 | 6.7 |
| 60% | 15.0 | 11.2 | 5.6 |
| 80% | 15.0 | 9.4 | - |
| 100% | 14.6 | 7.3 | - |

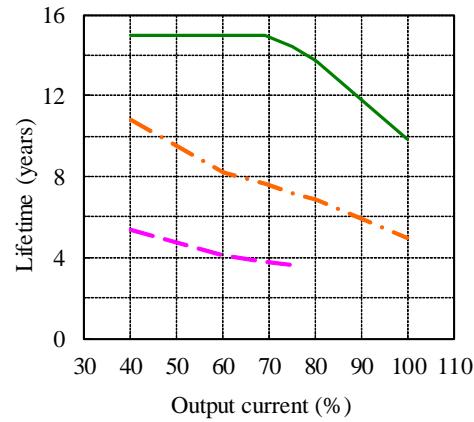


24V

| Load | Lifetime (years) | | |
|------|------------------|------|------|
| | 40°C | 50°C | 60°C |
| 40% | 15.0 | 10.5 | 5.2 |
| 60% | 15.0 | 8.6 | 4.3 |
| 80% | 11.8 | 5.9 | - |
| 100% | 8.1 | 4.0 | - |



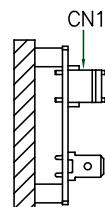
| Load | Lifetime (years) | | |
|------|------------------|------|------|
| | 40°C | 50°C | 60°C |
| 40% | 15.0 | 10.8 | 5.4 |
| 60% | 15.0 | 8.2 | 4.1 |
| 80% | 13.7 | 6.9 | - |
| 100% | 9.9 | 4.9 | - |



MODEL : ZWS30C

空冷条件：自然空冷 Cooling condition: Convection cooling

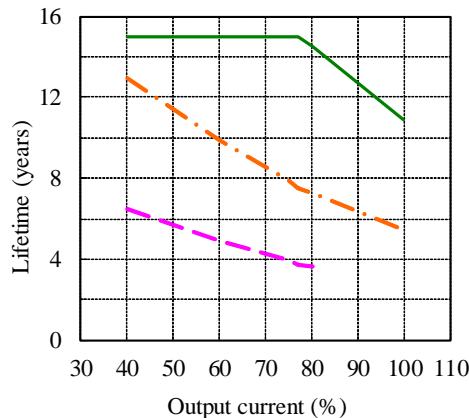
取付方向 B
Mounting B



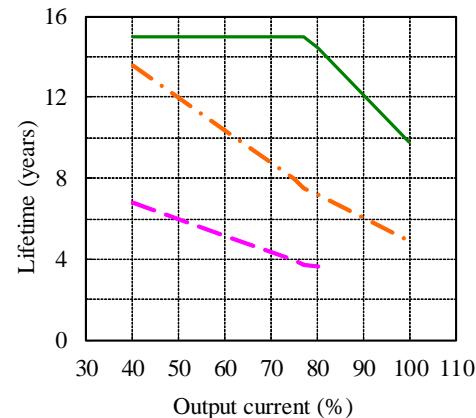
Conditions Ta
40°C : —
50°C : - - -
60°C : - . -

5V

| Load | Lifetime (years) | | |
|------|------------------|------|------|
| | 40°C | 50°C | 60°C |
| 40% | 15.0 | 12.9 | 6.5 |
| 60% | 15.0 | 9.9 | 4.9 |
| 80% | 14.5 | 7.3 | 3.6 |
| 100% | 10.9 | 5.4 | - |

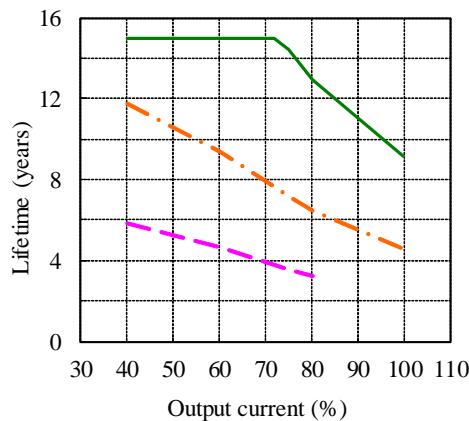


| Load | Lifetime (years) | | |
|------|------------------|------|------|
| | 40°C | 50°C | 60°C |
| 40% | 15.0 | 13.6 | 6.8 |
| 60% | 15.0 | 10.3 | 5.2 |
| 80% | 14.4 | 7.2 | 3.6 |
| 100% | 9.8 | 4.9 | - |

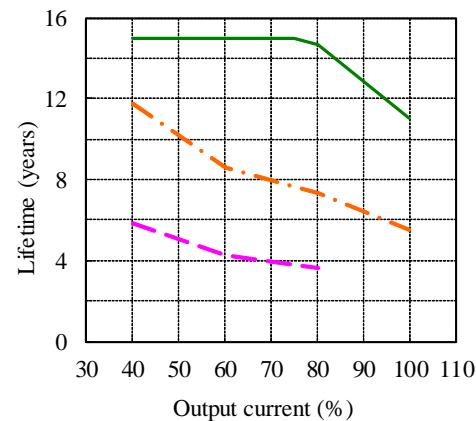


24V

| Load | Lifetime (years) | | |
|------|------------------|------|------|
| | 40°C | 50°C | 60°C |
| 40% | 15.0 | 11.7 | 5.9 |
| 60% | 15.0 | 9.4 | 4.7 |
| 80% | 12.9 | 6.5 | 3.2 |
| 100% | 9.1 | 4.6 | - |



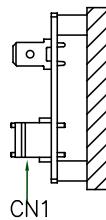
| Load | Lifetime (years) | | |
|------|------------------|------|------|
| | 40°C | 50°C | 60°C |
| 40% | 15.0 | 11.8 | 5.9 |
| 60% | 15.0 | 8.6 | 4.3 |
| 80% | 14.7 | 7.3 | 3.7 |
| 100% | 11.0 | 5.5 | - |



MODEL : ZWS30C

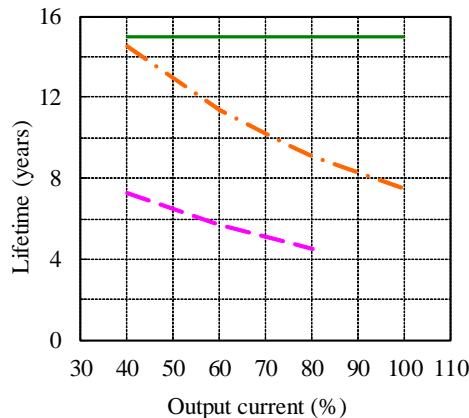
空冷条件：自然空冷 Cooling condition: Convection cooling

取付方向 C
Mounting C



5V

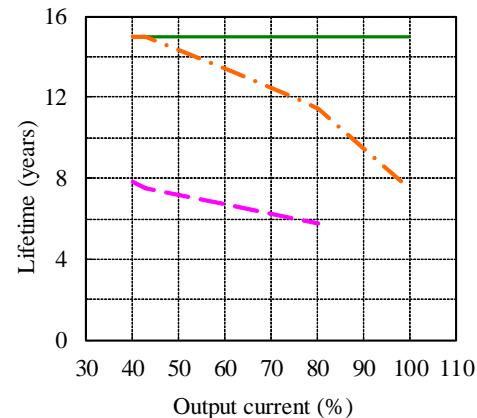
| Load | Lifetime (years) | | |
|------|------------------|------|------|
| | 40°C | 50°C | 60°C |
| 40% | 15.0 | 14.5 | 7.2 |
| 60% | 15.0 | 11.4 | 5.7 |
| 80% | 15.0 | 9.1 | 4.5 |
| 100% | 15.0 | 7.5 | - |



Conditions Ta
40°C : —
50°C : - - -
60°C : - . -

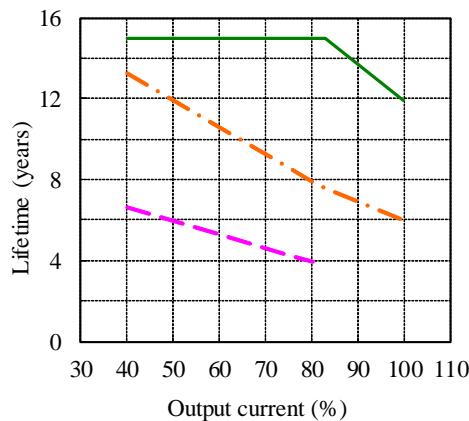
Vin = 200VAC

| Load | Lifetime (years) | | |
|------|------------------|------|------|
| | 40°C | 50°C | 60°C |
| 40% | 15.0 | 15.0 | 7.8 |
| 60% | 15.0 | 13.4 | 6.7 |
| 80% | 15.0 | 11.5 | 5.7 |
| 100% | 15.0 | 7.5 | - |



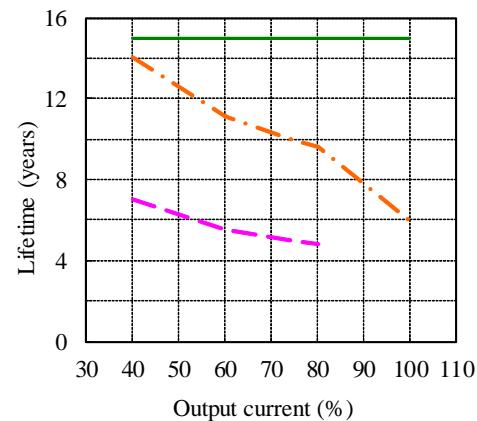
24V

| Load | Lifetime (years) | | |
|------|------------------|------|------|
| | 40°C | 50°C | 60°C |
| 40% | 15.0 | 13.2 | 6.6 |
| 60% | 15.0 | 10.6 | 5.3 |
| 80% | 15.0 | 7.9 | 3.9 |
| 100% | 11.9 | 6.0 | - |



Vin = 200VAC

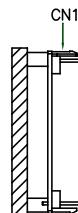
| Load | Lifetime (years) | | |
|------|------------------|------|------|
| | 40°C | 50°C | 60°C |
| 40% | 15.0 | 14.0 | 7.0 |
| 60% | 15.0 | 11.1 | 5.6 |
| 80% | 15.0 | 9.6 | 4.8 |
| 100% | 15.0 | 6.0 | - |



MODEL : ZWS30C

空冷条件：自然空冷 Cooling condition: Convection cooling

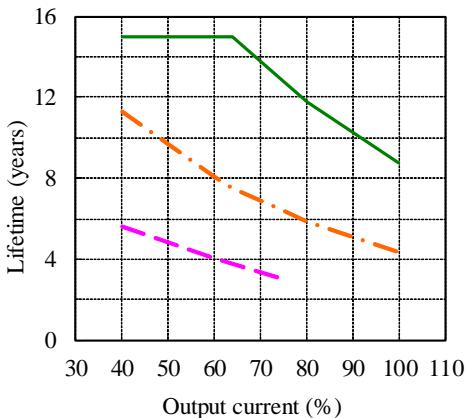
取付方向 D
Mounting D



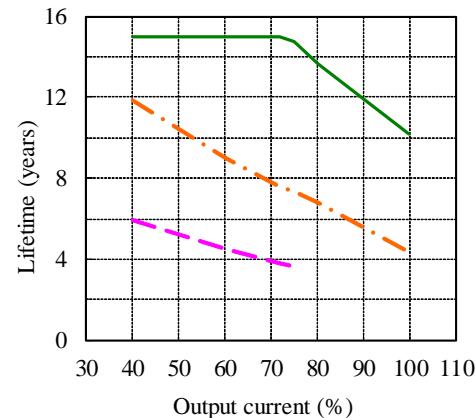
Conditions Ta
40°C : —
50°C : - - -
60°C : - . -

5V

| Load | Lifetime (years) | | |
|------|------------------|------|------|
| | 40°C | 50°C | 60°C |
| 40% | 15.0 | 11.3 | 5.6 |
| 60% | 15.0 | 8.1 | 4.0 |
| 80% | 11.7 | 5.9 | - |
| 100% | 8.7 | 4.4 | - |

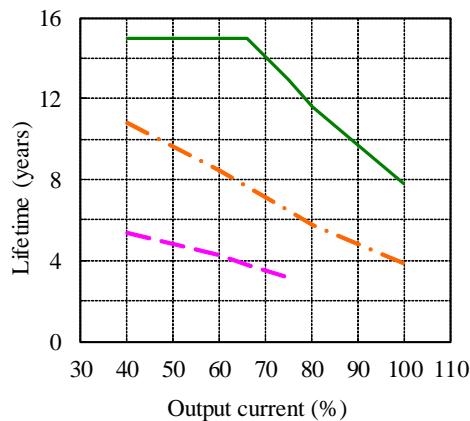


| Load | Lifetime (years) | | |
|------|------------------|------|------|
| | 40°C | 50°C | 60°C |
| 40% | 15.0 | 11.8 | 5.9 |
| 60% | 15.0 | 9.0 | 4.5 |
| 80% | 13.7 | 6.8 | - |
| 100% | 10.2 | 4.4 | - |

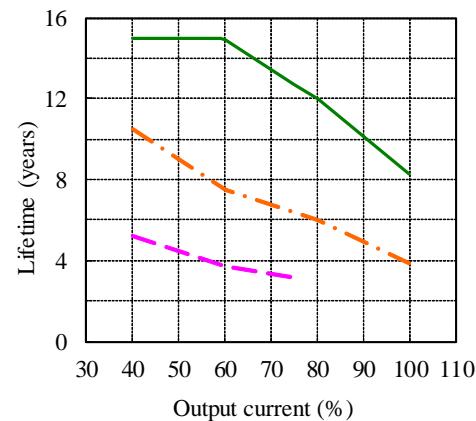


24V

| Load | Lifetime (years) | | |
|------|------------------|------|------|
| | 40°C | 50°C | 60°C |
| 40% | 15.0 | 10.8 | 5.4 |
| 60% | 15.0 | 8.5 | 4.2 |
| 80% | 11.6 | 5.8 | - |
| 100% | 7.8 | 3.9 | - |



| Load | Lifetime (years) | | |
|------|------------------|------|------|
| | 40°C | 50°C | 60°C |
| 40% | 15.0 | 10.5 | 5.2 |
| 60% | 14.9 | 7.5 | 3.7 |
| 80% | 12.0 | 6.0 | - |
| 100% | 8.3 | 3.9 | - |



MODEL : ZWS30C

空冷条件：自然空冷 Cooling condition: Convection cooling

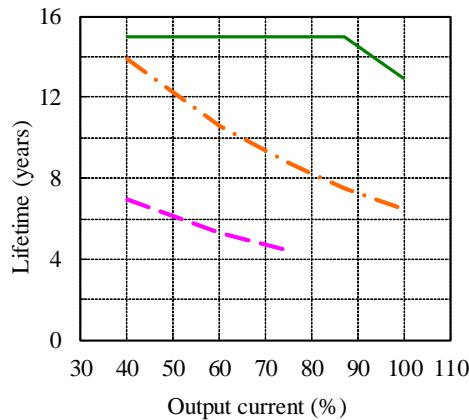
取付方向 E
Mounting E



Conditions Ta
40°C : —
50°C : - - -
60°C : - . -

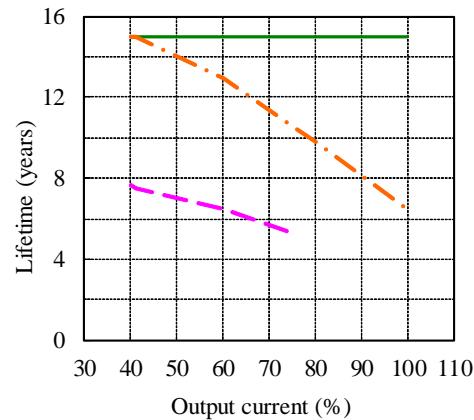
5V

| Load | Lifetime (years) | | |
|------|------------------|------|------|
| | 40°C | 50°C | 60°C |
| 40% | 15.0 | 13.9 | 6.9 |
| 60% | 15.0 | 10.6 | 5.3 |
| 80% | 15.0 | 8.2 | - |
| 100% | 13.0 | 6.5 | - |



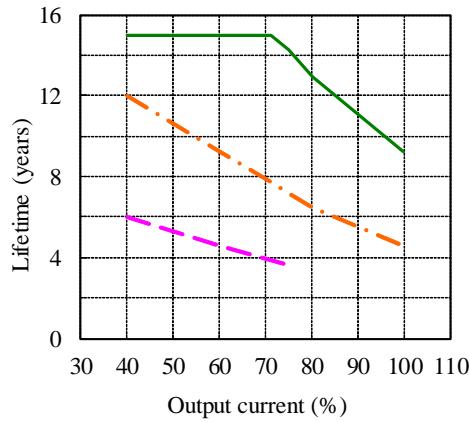
Vin = 200VAC

| Load | Lifetime (years) | | |
|------|------------------|------|------|
| | 40°C | 50°C | 60°C |
| 40% | 15.0 | 15.0 | 7.7 |
| 60% | 15.0 | 12.9 | 6.5 |
| 80% | 15.0 | 9.8 | - |
| 100% | 15.0 | 6.5 | - |



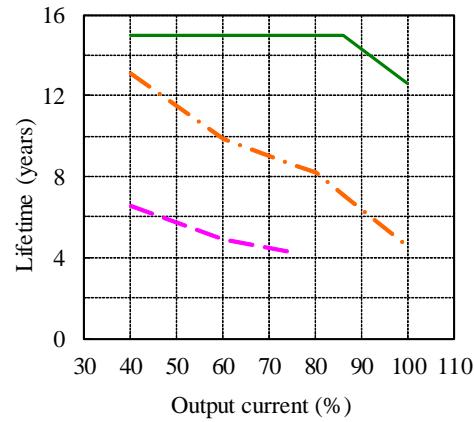
24V

| Load | Lifetime (years) | | |
|------|------------------|------|------|
| | 40°C | 50°C | 60°C |
| 40% | 15.0 | 12.0 | 6.0 |
| 60% | 15.0 | 9.2 | 4.6 |
| 80% | 12.9 | 6.5 | - |
| 100% | 9.2 | 4.6 | - |



Vin = 200VAC

| Load | Lifetime (years) | | |
|------|------------------|------|------|
| | 40°C | 50°C | 60°C |
| 40% | 15.0 | 13.1 | 6.5 |
| 60% | 15.0 | 9.8 | 4.9 |
| 80% | 15.0 | 8.2 | - |
| 100% | 12.6 | 4.6 | - |

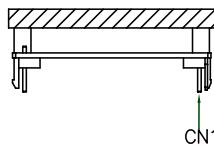


MODEL : ZWS30C

空冷条件：自然空冷 Cooling condition: Convection cooling

取付方向 F

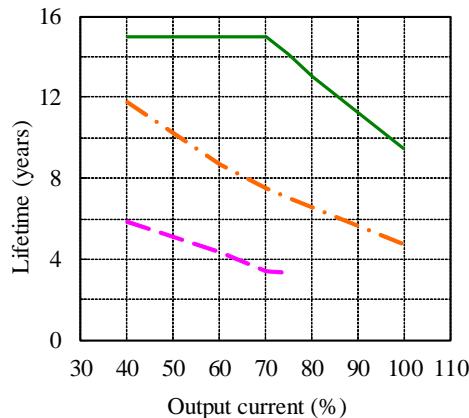
Mounting F



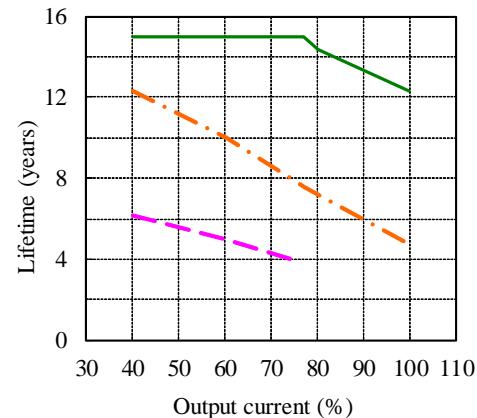
Conditions Ta
 40°C : —
 50°C : -·-
 60°C : -·-·-

5V

| Load | Lifetime (years) | | |
|------|------------------|------|------|
| | 40°C | 50°C | 60°C |
| 40% | 15.0 | 11.8 | 5.9 |
| 60% | 15.0 | 8.7 | 4.3 |
| 80% | 13.1 | 6.5 | - |
| 100% | 9.5 | 4.7 | - |

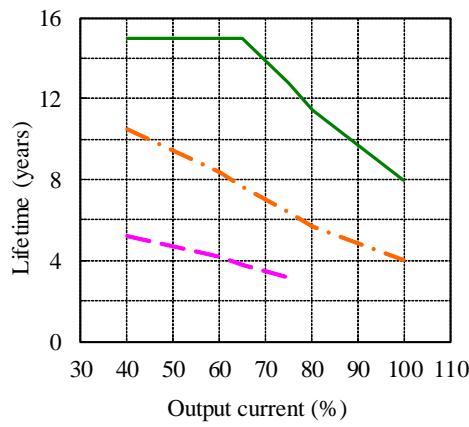


| Load | Lifetime (years) | | |
|------|------------------|------|------|
| | 40°C | 50°C | 60°C |
| 40% | 15.0 | 12.3 | 6.2 |
| 60% | 15.0 | 10.0 | 5.0 |
| 80% | 14.3 | 7.2 | - |
| 100% | 12.3 | 4.7 | - |

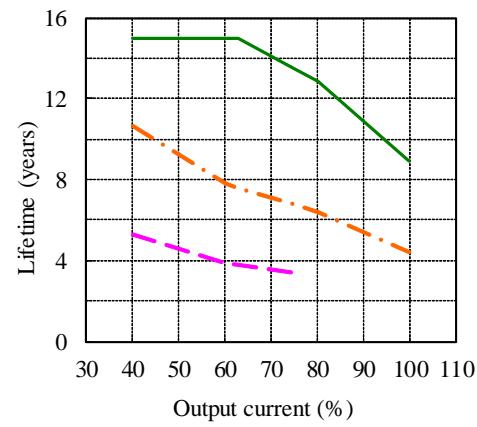


24V

| Load | Lifetime (years) | | |
|------|------------------|------|------|
| | 40°C | 50°C | 60°C |
| 40% | 15.0 | 10.5 | 5.2 |
| 60% | 15.0 | 8.3 | 4.2 |
| 80% | 11.4 | 5.7 | - |
| 100% | 8.0 | 4.0 | - |



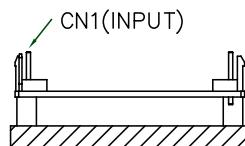
| Load | Lifetime (years) | | |
|------|------------------|------|------|
| | 40°C | 50°C | 60°C |
| 40% | 15.0 | 10.6 | 5.3 |
| 60% | 15.0 | 7.8 | 3.9 |
| 80% | 12.8 | 6.4 | - |
| 100% | 8.9 | 4.4 | - |



MODEL : ZWS30C

空冷条件：強制空冷 Cooling condition: Force air cooling

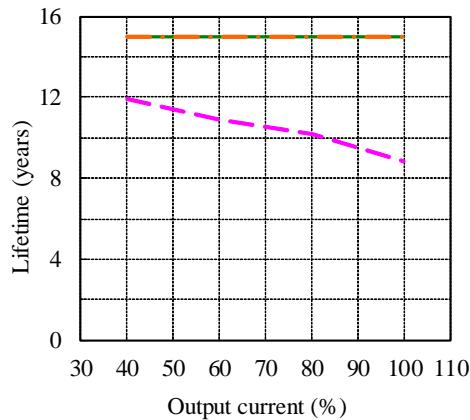
取付方向 A
Mounting A



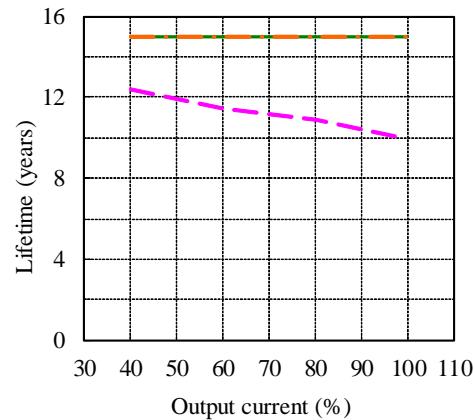
Conditions Ta
40°C : —
50°C : - - -
60°C : - . -

5V

| | | Lifetime (years) | | |
|------|--|------------------|------|------|
| Ta | | 40°C | 50°C | 60°C |
| Load | | | | |
| 40% | | 15.0 | 15.0 | 11.9 |
| 60% | | 15.0 | 15.0 | 10.9 |
| 80% | | 15.0 | 15.0 | 10.2 |
| 100% | | 15.0 | 15.0 | 8.9 |

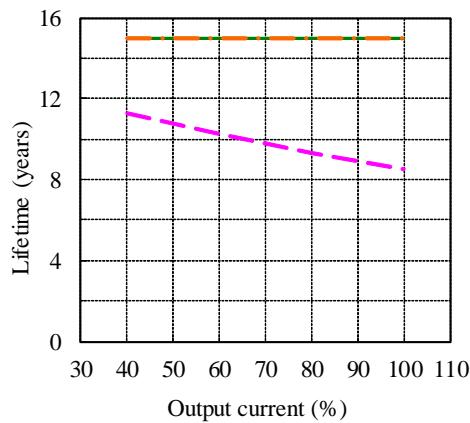


| | | Lifetime (years) | | |
|------|--|------------------|------|------|
| Ta | | 40°C | 50°C | 60°C |
| Load | | | | |
| 40% | | 15.0 | 15.0 | 12.4 |
| 60% | | 15.0 | 15.0 | 11.4 |
| 80% | | 15.0 | 15.0 | 10.9 |
| 100% | | 15.0 | 15.0 | 10.0 |

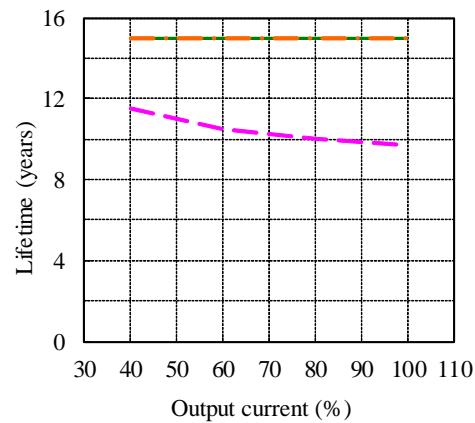


24V

| | | Lifetime (years) | | |
|------|--|------------------|------|------|
| Ta | | 40°C | 50°C | 60°C |
| Load | | | | |
| 40% | | 15.0 | 15.0 | 11.3 |
| 60% | | 15.0 | 15.0 | 10.3 |
| 80% | | 15.0 | 15.0 | 9.3 |
| 100% | | 15.0 | 15.0 | 8.5 |



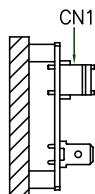
| | | Lifetime (years) | | |
|------|--|------------------|------|------|
| Ta | | 40°C | 50°C | 60°C |
| Load | | | | |
| 40% | | 15.0 | 15.0 | 11.5 |
| 60% | | 15.0 | 15.0 | 10.5 |
| 80% | | 15.0 | 15.0 | 10.0 |
| 100% | | 15.0 | 15.0 | 9.7 |



MODEL : ZWS30C

空冷条件：強制空冷 Cooling condition: Force air cooling

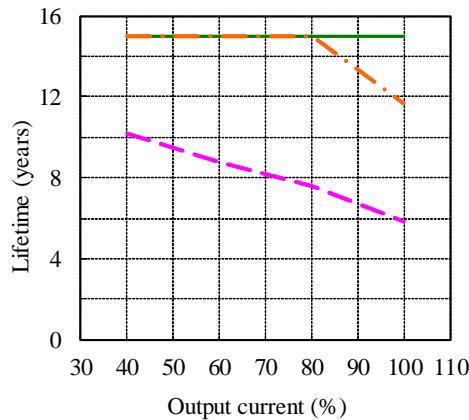
取付方向 B
Mounting B



Conditions Ta
40°C : —
50°C : -·-
60°C : -·-·-

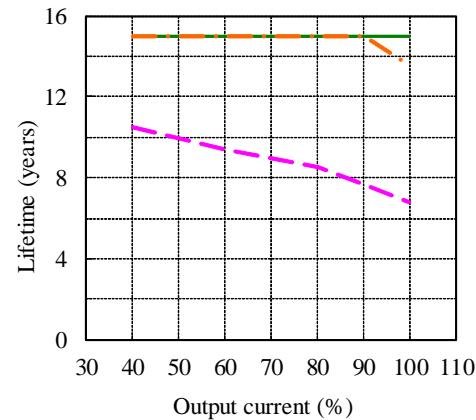
5V

| Load | Lifetime (years) | | |
|------|------------------|------|------|
| | 40°C | 50°C | 60°C |
| 40% | 15.0 | 15.0 | 10.2 |
| 60% | 15.0 | 15.0 | 8.8 |
| 80% | 15.0 | 15.0 | 7.5 |
| 100% | 15.0 | 11.7 | 5.8 |



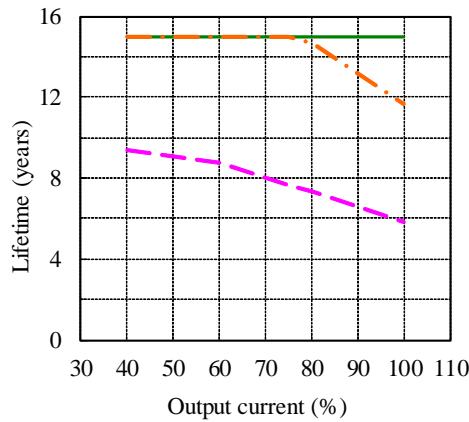
Vin = 200VAC

| Load | Lifetime (years) | | |
|------|------------------|------|------|
| | 40°C | 50°C | 60°C |
| 40% | 15.0 | 15.0 | 10.5 |
| 60% | 15.0 | 15.0 | 9.4 |
| 80% | 15.0 | 15.0 | 8.5 |
| 100% | 15.0 | 13.6 | 6.8 |



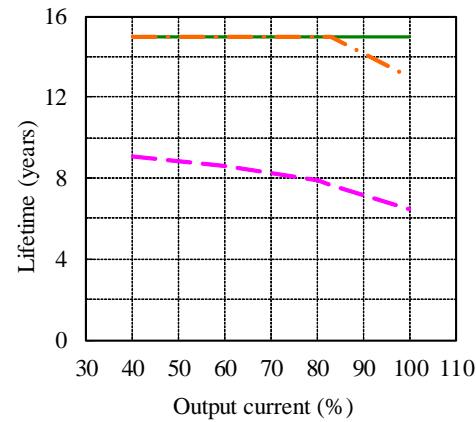
24V

| Load | Lifetime (years) | | |
|------|------------------|------|------|
| | 40°C | 50°C | 60°C |
| 40% | 15.0 | 15.0 | 9.4 |
| 60% | 15.0 | 15.0 | 8.7 |
| 80% | 15.0 | 14.6 | 7.3 |
| 100% | 15.0 | 11.7 | 5.8 |



Vin = 200VAC

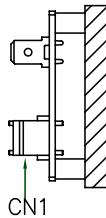
| Load | Lifetime (years) | | |
|------|------------------|------|------|
| | 40°C | 50°C | 60°C |
| 40% | 15.0 | 15.0 | 9.0 |
| 60% | 15.0 | 15.0 | 8.6 |
| 80% | 15.0 | 15.0 | 7.9 |
| 100% | 15.0 | 13.0 | 6.5 |



MODEL : ZWS30C

空冷条件：強制空冷 Cooling condition: Force air cooling

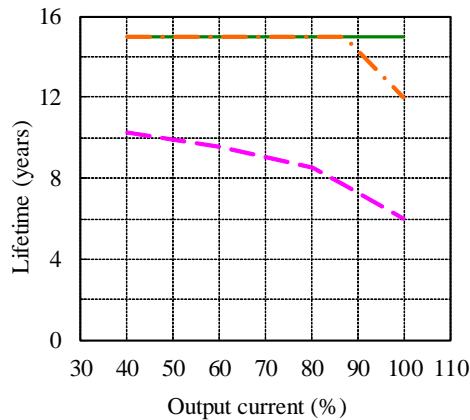
取付方向 C
Mounting C



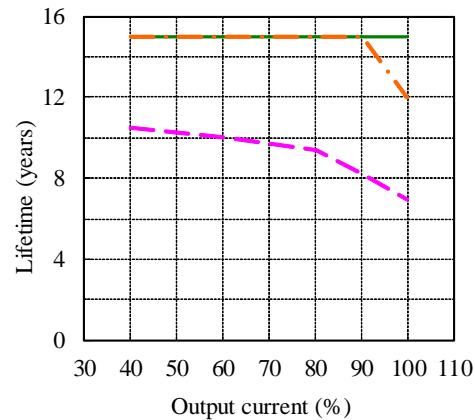
Conditions Ta
40°C : —
50°C : -·-
60°C : -·-

5V

| Load | Lifetime (years) | | |
|------|------------------|------|------|
| | 40°C | 50°C | 60°C |
| 40% | 15.0 | 15.0 | 10.2 |
| 60% | 15.0 | 15.0 | 9.6 |
| 80% | 15.0 | 15.0 | 8.5 |
| 100% | 15.0 | 12.0 | 6.0 |

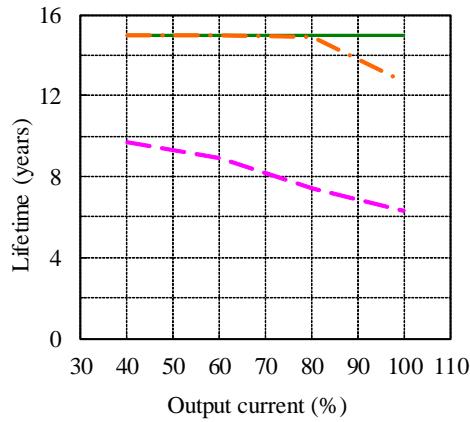


| Load | Lifetime (years) | | |
|------|------------------|------|------|
| | 40°C | 50°C | 60°C |
| 40% | 15.0 | 15.0 | 10.5 |
| 60% | 15.0 | 15.0 | 10.1 |
| 80% | 15.0 | 15.0 | 9.4 |
| 100% | 15.0 | 12.0 | 7.0 |

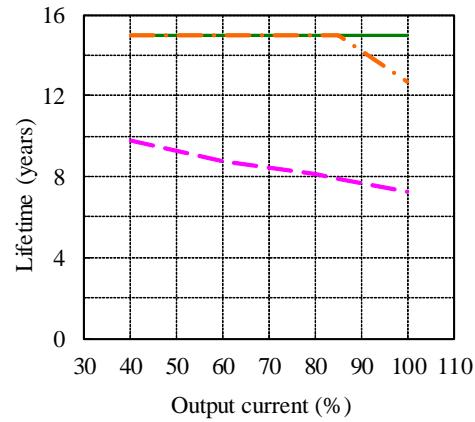


24V

| Load | Lifetime (years) | | |
|------|------------------|------|------|
| | 40°C | 50°C | 60°C |
| 40% | 15.0 | 15.0 | 9.7 |
| 60% | 15.0 | 15.0 | 8.9 |
| 80% | 15.0 | 14.9 | 7.4 |
| 100% | 15.0 | 12.7 | 6.3 |



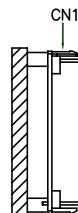
| Load | Lifetime (years) | | |
|------|------------------|------|------|
| | 40°C | 50°C | 60°C |
| 40% | 15.0 | 15.0 | 9.8 |
| 60% | 15.0 | 15.0 | 8.8 |
| 80% | 15.0 | 15.0 | 8.1 |
| 100% | 15.0 | 12.7 | 7.2 |



MODEL : ZWS30C

空冷条件：強制空冷 Cooling condition: Force air cooling

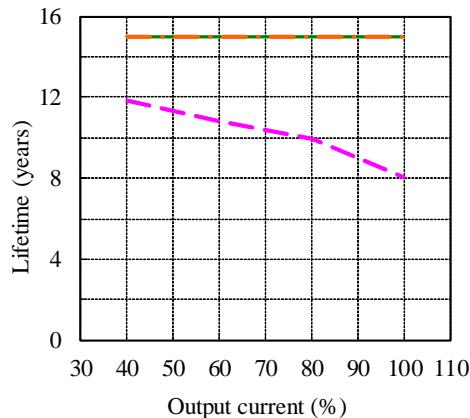
取付方向 D
Mounting D



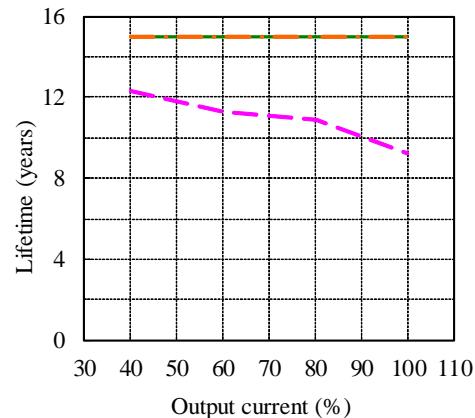
Conditions Ta
40°C : —
50°C : - - -
60°C : - · -

5V

| Load | Lifetime (years) | | |
|------|------------------|------|------|
| | 40°C | 50°C | 60°C |
| 40% | 15.0 | 15.0 | 11.8 |
| 60% | 15.0 | 15.0 | 10.8 |
| 80% | 15.0 | 15.0 | 10.0 |
| 100% | 15.0 | 15.0 | 8.1 |

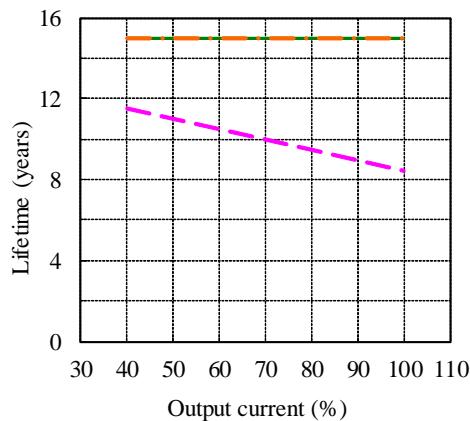


| Load | Lifetime (years) | | |
|------|------------------|------|------|
| | 40°C | 50°C | 60°C |
| 40% | 15.0 | 15.0 | 12.3 |
| 60% | 15.0 | 15.0 | 11.3 |
| 80% | 15.0 | 15.0 | 10.9 |
| 100% | 15.0 | 15.0 | 9.3 |

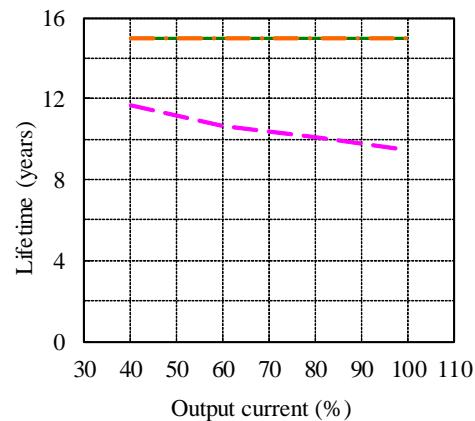


24V

| Load | Lifetime (years) | | |
|------|------------------|------|------|
| | 40°C | 50°C | 60°C |
| 40% | 15.0 | 15.0 | 11.5 |
| 60% | 15.0 | 15.0 | 10.5 |
| 80% | 15.0 | 15.0 | 9.5 |
| 100% | 15.0 | 15.0 | 8.4 |



| Load | Lifetime (years) | | |
|------|------------------|------|------|
| | 40°C | 50°C | 60°C |
| 40% | 15.0 | 15.0 | 11.7 |
| 60% | 15.0 | 15.0 | 10.7 |
| 80% | 15.0 | 15.0 | 10.1 |
| 100% | 15.0 | 15.0 | 9.5 |



MODEL : ZWS30C

空冷条件：強制空冷 Cooling condition: Force air cooling

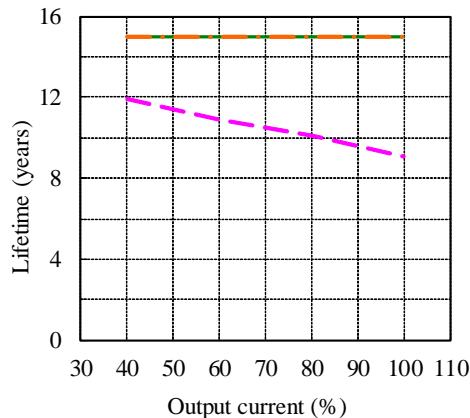
取付方向 E
Mounting E



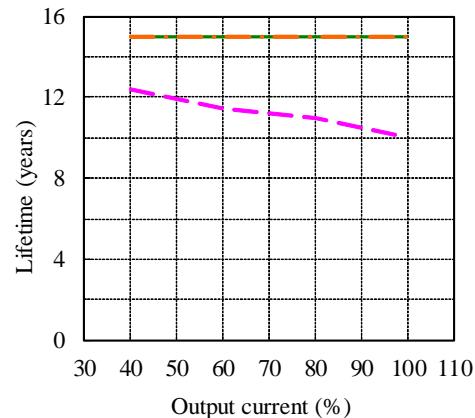
Conditions Ta
40°C : —
50°C : - - -
60°C : - . -

5V

| Load | Lifetime (years) | | |
|------|------------------|------|------|
| | 40°C | 50°C | 60°C |
| 40% | 15.0 | 15.0 | 11.8 |
| 60% | 15.0 | 15.0 | 10.8 |
| 80% | 15.0 | 15.0 | 10.0 |
| 100% | 15.0 | 15.0 | 8.1 |

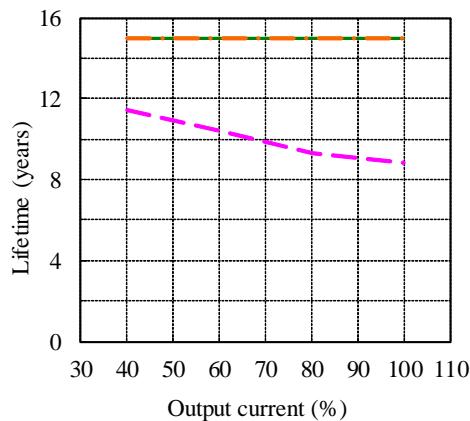


| Load | Lifetime (years) | | |
|------|------------------|------|------|
| | 40°C | 50°C | 60°C |
| 40% | 15.0 | 15.0 | 12.3 |
| 60% | 15.0 | 15.0 | 11.3 |
| 80% | 15.0 | 15.0 | 10.9 |
| 100% | 15.0 | 15.0 | 9.3 |

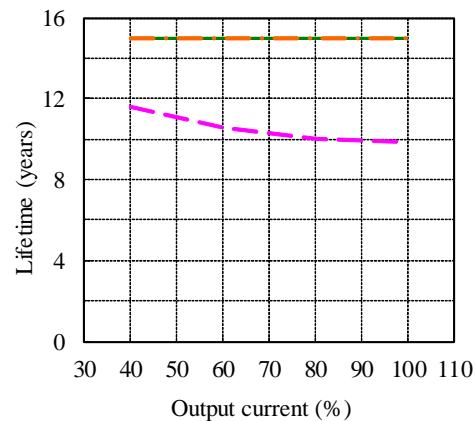


24V

| Load | Lifetime (years) | | |
|------|------------------|------|------|
| | 40°C | 50°C | 60°C |
| 40% | 15.0 | 15.0 | 11.5 |
| 60% | 15.0 | 15.0 | 10.5 |
| 80% | 15.0 | 15.0 | 9.5 |
| 100% | 15.0 | 15.0 | 8.4 |



| Load | Lifetime (years) | | |
|------|------------------|------|------|
| | 40°C | 50°C | 60°C |
| 40% | 15.0 | 15.0 | 11.7 |
| 60% | 15.0 | 15.0 | 10.7 |
| 80% | 15.0 | 15.0 | 10.1 |
| 100% | 15.0 | 15.0 | 9.5 |

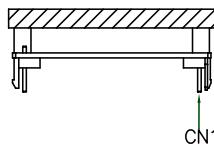


MODEL : ZWS30C

空冷条件：強制空冷 Cooling condition: Force air cooling

取付方向 F

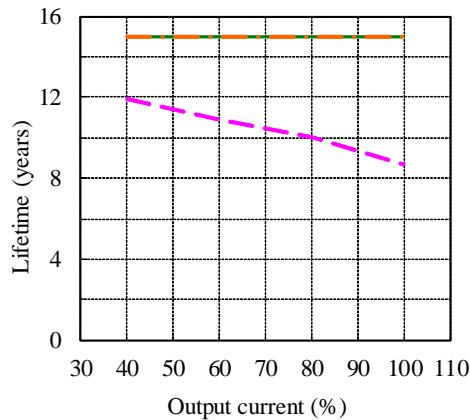
Mounting F



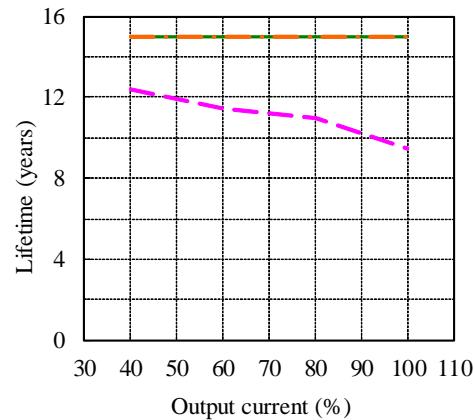
Conditions Ta
 40°C : —
 50°C : -·-
 60°C : -·-

5V

| Load | Lifetime (years) | | |
|------|------------------|------|------|
| | 40°C | 50°C | 60°C |
| 40% | 15.0 | 15.0 | 11.9 |
| 60% | 15.0 | 15.0 | 10.9 |
| 80% | 15.0 | 15.0 | 10.1 |
| 100% | 15.0 | 15.0 | 8.7 |

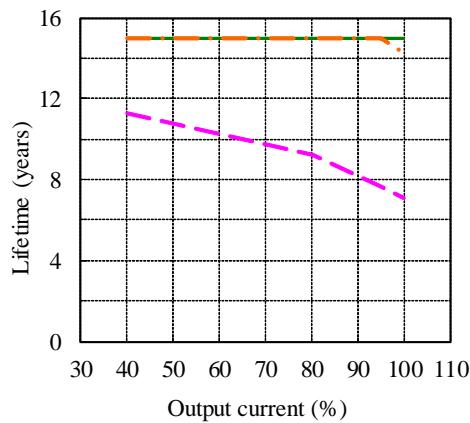


| Load | Lifetime (years) | | |
|------|------------------|------|------|
| | 40°C | 50°C | 60°C |
| 40% | 15.0 | 15.0 | 12.4 |
| 60% | 15.0 | 15.0 | 11.4 |
| 80% | 15.0 | 15.0 | 11.0 |
| 100% | 15.0 | 15.0 | 9.5 |

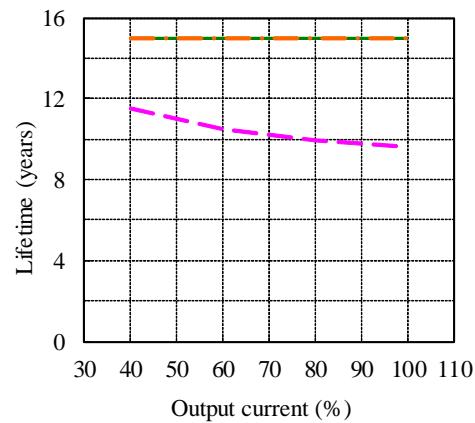


24V

| Load | Lifetime (years) | | |
|------|------------------|------|------|
| | 40°C | 50°C | 60°C |
| 40% | 15.0 | 15.0 | 11.3 |
| 60% | 15.0 | 15.0 | 10.3 |
| 80% | 15.0 | 15.0 | 9.2 |
| 100% | 15.0 | 14.2 | 7.1 |



| Load | Lifetime (years) | | |
|------|------------------|------|------|
| | 40°C | 50°C | 60°C |
| 40% | 15.0 | 15.0 | 11.5 |
| 60% | 15.0 | 15.0 | 10.5 |
| 80% | 15.0 | 15.0 | 10.0 |
| 100% | 15.0 | 15.0 | 9.6 |



5. アブノーマル試験 Abnormal Test

MODEL : ZWS30C-5

(1) 試験条件 Test Conditions

Input : 265VAC Output : 5V, Full load Ta : 25°C

(2) 試験結果 Test Results

(Da : Damaged)

| No. | Test position | | Test mode ショート オープン Short Open | Test result | | | | | | | | | | | | 記事 Note |
|-----|---------------|--------|--|-----------------|------------------|------------------|------------------|--------------------|--------------------|--------------------------|------------------|------------------|-----------------------|------------------------|--------------------|------------|
| | 部品No. | 試験端子 | | a 発火 Fire | b 発煙 Smoke | c 破裂 Burst | d 異臭 Smell | e 赤熱 Red hot | f 破損 Damaged | g ヒューズ断 Fuse blown | h O V P | I O C P | j 出力断 No output | k 変化なし No change | l その他 Others | |
| 1 | C4 | | O | | | | | | | O | | | O | | | |
| 2 | | | O | | | | | | | | | | O | | | |
| 3 | C5 | | O | | | | | | | | | | O | | | |
| 4 | | | O | | | | | | | | | | | O | Hiccup | |
| 5 | D1 | DC-DC | O | | | | | | | O | | | O | | | |
| 6 | | AC-AC | O | | | | | | | O | | | O | | | |
| 7 | | DC "+" | O | | | | | | | | | | O | | | |
| 8 | | DC "-" | O | | | | | | | | | | O | | | |
| 9 | | AC | O | | | | | | | | | | O | | | |
| 10 | D101 | A-K | O | | | | | | | | | | | O | Hiccup | |
| 11 | | A/K | O | | | | | | | | | | O | | | |
| 12 | D103 | A-K | O | | | | | | | | | | O | | | |
| 13 | | A/K | O | | | | | | | | | | | O | Hiccup | |
| 14 | D51 | A-K | O | | | | | | | | | | | O | Hiccup | |
| 15 | | A/K | O | | | | | | | | | | O | | | |
| 16 | A1 | 1-2 | O | | | | | | | | | | O | | | |
| 17 | | 2-3 | O | | | | | | | | | | O | | | |
| 18 | | 3-4 | O | | | | | | | | | | O | | | |
| 19 | | 7-8 | O | | | | | | | | | | O | | | |
| 20 | | 1 | O | | | | | | | | | | O | | | |
| 21 | | 2 | O | | | | | | | | | | O | | | |
| 22 | | 3 | O | | | | | | | | | | O | | | |
| 23 | | 4 | O | | | | | | | | | | O | | | |
| 24 | | 5 | O | | | | | | | | | | O | | | |
| 25 | | 7 | O | | | | | | | | | | O | | | |
| 26 | | 8 | O | | | | | | | | | | O | | | |

(Da : Damaged)

| No. | Test position | | Test mode ショート オーブン Open | Test result | | | | | | | | | | | | | Note |
|-----|---------------|---------|-----------------------------------|-----------------|------------------|------------------|------------------|--------------------|--------------------|--------------------------|----------|----------|-----------------------|------------------------|--------------------|---|--------|
| | 部品No. | 試験端子 | | a 発火 Fire | b 発煙 Smoke | c 破裂 Burst | d 異臭 Smell | e 赤熱 Red hot | f 破損 Damaged | g ヒューズ断 Fuse blown | h OVP | I OCP | j 出力断 No output | k 変化なし No change | l その他 Others | | |
| 27 | T1 | 1-2 | O | | | | | | | | | | | | | O | Hiccup |
| 28 | | 3-5 | O | | | | | | | | | | | | O | | |
| 29 | | 6,7-8,9 | O | | | | | | | | | | | | O | | |
| 30 | | 1 | O | | | | | | | | | | | | | O | Hiccup |
| 31 | | 2 | O | | | | | | | | | | | | | O | Hiccup |
| 32 | | 3 | O | | | | | | | | | | | | O | | |
| 33 | | 5 | O | | | | | | | | | | | | O | | |
| 34 | | 6,7 | O | | | | | | | | | | | | O | | |
| 35 | | 8,9 | O | | | | | | | | | | | | O | | |
| 36 | L1 | 1-3 | O | | | | | | | | O | | | | O | | |
| 37 | | 2-4 | O | | | | | | | | O | | | | O | | |
| 38 | | 1 | O | | | | | | | | | | | | O | | |
| 39 | | 2 | O | | | | | | | | | | | | O | | |
| 40 | | 3 | O | | | | | | | | | | | | O | | |
| 41 | | 4 | O | | | | | | | | | | | | O | | |

6. 振動試験 Vibration Test

MODEL : ZWS30C-5 / ZWS30C-24

(1) 振動試験種類 Vibration Test Class

掃引振動数耐久試験 Frequency variable endurance test

(2) 使用振動試験装置 Equipment Used

IMV (株) 製 EM2201

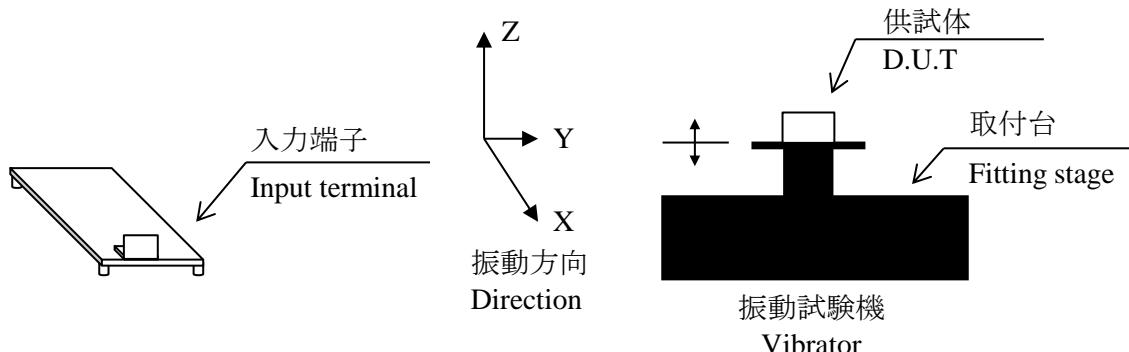
IMV CORP.

(3) 試験条件 Test Conditions

- 周波数範囲 : 10~55Hz
Sweep frequency
- 掃引時間 : 1.0分間
Sweep time 1.0min
- 加速度 : 一定 19.6m/s^2 (2G)
Acceleration Constant

- 振動方向 : X, Y, Z
Direction
- 試験時間 : 各方向共 1時間
Sweep count 1 hour each

(4) 試験方法 Test Method



(5) 判定条件 Acceptable Conditions

1. 破損しない事
Not to be broken.
2. 試験後の出力に異常がない事
No abnormal output after test.

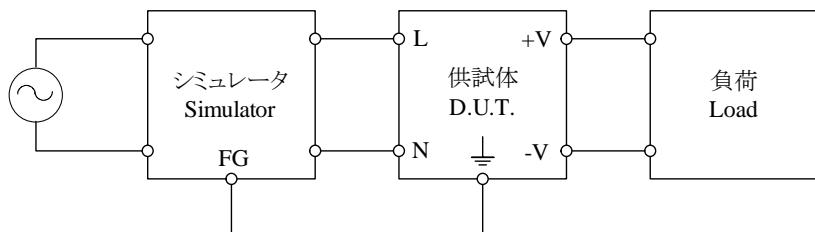
(6) 試験結果 Test Results

合格 OK

7. ノイズシミュレート試験 Noise Simulate Test

MODEL : ZWS30C-5 / ZWS30C-24

(1) 試験回路及び測定器 Test Circuit and Equipment



シミュレータ : INS-4040 (ノイズ研究所)
Simulator (Noise Laboratory Co.,LTD)

(2) 試験条件 Test Conditions

| | | | |
|-------------------------------|-----------------|---------------------------|------------------------------|
| ・ 入力電圧 Input voltage | : 100, 230vac | ・ ノイズ電圧 Noise level | : 0~2kV |
| ・ 出力電圧 Output voltage | : 定格 Rated | ・ 位相 Phase | : 0~360 deg |
| ・ 出力電流 Output current | : 0%, Full load | ・ 極性 Polarity | : +,- |
| ・ 周囲温度 Ambient temperature | : 25°C | ・ 印加モード Mode | : コモン、ノーマル Common, Normal |
| ・ パルス幅 Pulse width | : 50~1000ns | ・ トリガ選択 Trigger select | : Line |
| | | | Trigger select |

(3) 判定条件 Acceptable Conditions

- 試験中、5%を超える出力電圧の変動のない事
The regulation of output voltage must not exceed 5% of initial value during test.
- 試験後の出力電圧は初期値から変動していない事
The output voltage must be within the regulation of specification after the test.
- 発煙・発火のない事
Smoke and fire are not allowed.

(4) 試験結果 Test Results

合格 OK

8. 热衝撃試験 Thermal Shock Test

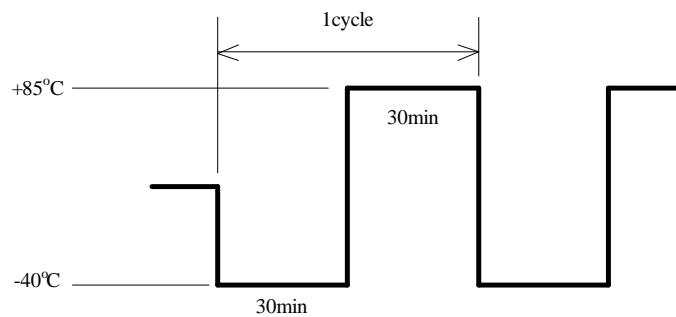
MODEL : ZWS30C-5 / ZWS30C-24

(1) 使用冷熱衝撃装置 Equipment Used (Thermal Shock Chamber)

HITACHI(株) 製 ES-71LH
HITACHI CORP.

(2) 試験条件 Test Conditions

- ・ 電源周囲温度 : -40°C ⇄ 85°C
- ・ Ambient Temperature
- ・ 試験時間 : 図参照
- ・ Test Time Refer to Dwg.
- ・ 試験サイクル : 100 サイクル
- ・ Test Cycle 100 Cycles
- ・ 非動作 Not Operating



(3) 試験方法 Test Method

初期測定の後、供試品を試験槽に入れ、上記サイクルで試験を行う。100サイクル後に、供試品を常温常湿下に1時間放置し、出力に異常がない事を確認する。

Before testing, check if there is no abnormal output, then put the D.U.T. in testing chamber, and test it according to the above cycle. 100 cycles later, leave it for 1 hour at the room temperature , then check if there is no abnormal output.

(4) 判定条件 Acceptable Conditions

試験後の出力に異常がない事

No abnormal output voltage after test.

(5) 試験結果 Test Results

合格 OK